

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/DS - PT

Ngày: 17 - 5 - 2019

V/v Tranh chấp quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phụng

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đình Tiến

Bà Trịnh Thị Bích Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hol – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Phùng Bích Tuyền - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào các ngày 16, 17 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2019/TLPT - DS ngày 17 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2018/DS - ST ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 63/2019/QĐ - PT ngày 15 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Võ Văn S, sinh năm: 1953; Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

1.2. Bà Trần Thị T, sinh năm: 1954; Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

1.3. Anh Võ Hoàng G, sinh năm: 1981; Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

1.4. Chị Huỳnh Thị N, sinh năm: 1982; Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

1.5. Chị Võ Ngọc L, sinh năm: 1985; Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn (theo văn bản ủy quyền ngày 17 tháng 11 năm 2017) bà Trần Thị T, anh Võ Hoàng G, chị Huỳnh Thị N và chị Võ Ngọc L: Ông Võ Văn S, sinh năm: 1953.

Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

2. Bị đơn: Ông Võ Văn M, sinh năm: 1953; Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Thanh P, sinh năm 1951; Luật sư thuộc Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ (có mặt).

Địa chỉ: Số 170B, đường T, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Võ Hữu C (con ông S) – sinh năm: 1980 (vắng mặt).

3.2. Chị Võ Thị Cẩm T (cháu ông S) – sinh năm: 1998 (vắng mặt).

3.3. Bà Tạ Thị H (vợ ông M) – sinh năm: 1956 (vắng mặt).

3.4. Anh Võ Văn H (con ông M) – sinh năm: 1974 (vắng mặt).

3.5. Anh Võ Văn M (con ông M) – sinh năm: 1977 (vắng mặt).

3.6. Chị Võ Thị T (con ông M) – sinh năm: 1979 (vắng mặt).

3.7. Chị Võ Thị N (con ông M) – sinh năm: 1981 (vắng mặt).

3.8. Anh Võ Văn S (con ông M) – sinh năm: 1984 (vắng mặt).

3.9. Chị Võ Thị B (con ông M) – sinh năm: 1987 (vắng mặt).

3.10. Chị Lý Thị Thúy C (con dâu ông M) – sinh năm: 1980 (vắng mặt).

3.11. Chị Võ Thị Hồng L (con dâu ông M) – sinh năm: 1977 (vắng mặt).

3.12. Ông Phạm Tấn P – sinh năm: 1965 (có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang

4. Người làm chứng:

4.1. Bà Nguyễn Ngọc S (vắng mặt).

4.2. Bà Phạm Thị B (vắng mặt).

4.3. Ông Lê Văn C (vắng mặt).

4.4. Bà Lê Thị Mộng T (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang

5. Người kháng cáo: Bị đơn ông Võ Văn M

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn ông Võ Văn S đại diện cho các nguyên đơn trình bày: Ông S có phần đất giáp ranh với đất của ông Võ Văn M (em ruột ông S), nguồn gốc đất của ông S là được ông Võ Văn Q (cha ông S) tặng cho vào năm 1978 và ông S trực tiếp canh tác đất từ năm 1978 cho đến nay, đến năm 2000 ông S được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tuy nhiên ông S chỉ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 01 phần đất mà ông đang canh tác với diện tích được cấp giấy là 1.100 m², còn 01 phần đất chưa được cấp giấy nhưng ông S vẫn đang canh tác có diện tích khoảng 60 m², giáp ranh với đất ông M, trên đất ông S đã trồng rất nhiều đợt cây như cam, mít, chuối... Do năm 2017 ông S chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Phạm Tấn P cùng địa phương, nên có yêu cầu ông M xác định ranh đất, ông M cho rằng phần đất diện tích 60 m² ông S đang canh tác là của ông M vì phần đất này nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M nên phát sinh tranh chấp. Nay hộ ông Võ Văn S khởi kiện ông M yêu cầu được ổn định phần đất tranh chấp với diện tích qua đo đạc thực tế là 65,1 m² vì phần đất này ông S đã canh tác sử dụng ổn định từ năm 1978 đến nay.

Bị đơn ông Võ Văn M trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông M và ông S, ông M và ông S là anh em ruột, do ông M là con út nên ở với cha mẹ, phần đất tranh chấp diện tích 60 m² là lối đi cha mẹ cho ông S và gia đình ông S đi nhờ để ra vô đất từ năm 1977, chứ không phải cho luôn ông S vì cha mẹ đã cho đất ông S rồi. Đến khi cha mẹ chết thì ông M được thừa kế toàn bộ phần đất của cha mẹ để lại, bao gồm cả phần đất để cho ông S làm lối đi và ông M vẫn để cho ông S và gia đình tiếp tục sử dụng làm lối đi, năm 2010 ông S có lối đi khác nên bỏ hoang, đến khi tranh chấp ông S khởi kiện ra áp thì ông S mới trồng cây lại. Đối với phần đất tranh chấp ông M đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1998. Năm 2017 ông S bán đất cho người khác mà chỉ đất bán luôn phần lối đi 60 m² nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M, nên phát sinh tranh chấp.

Nay phần đất tranh chấp diện tích đo đạc thực tế 65,1 m², ông S yêu cầu ổn định cho ông S thì ông M không đồng ý vì đây là phần đất ông M cho ông S và gia đình mượn làm lối đi, đồng thời đất tranh chấp nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M nên yêu cầu ông S trả đất lại cho ông M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Hữu C (con ông S), chị Võ Thị Cẩm T (cháu ông S) trình bày: Phần đất tranh chấp diện tích 65,1 m² mà ông S đang tranh chấp với ông M, thì anh C, chị T không có yêu cầu gì trong vụ án này, để cho ông S toàn quyền quyết định và có yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tạ Thị H, anh Võ Văn H, anh Võ Văn M, chị Võ Thị T, chị Võ Thị N, anh Võ Văn S, chị Võ Thị B, chị Lý Thị Thúy C và chị Võ Thị Hồng L thống nhất trình bày: Mọi vấn đề liên quan đến tranh chấp giữa ông S và ông M, sẽ do ông M toàn quyền quyết định, không có ý kiến gì và có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Tấn P trình bày: Ông P có thỏa thuận mua đất của ông S, bao gồm cả phần đất đang tranh chấp và ông P đã giao tiền cọc cho ông S khoảng 70.000.000 đồng, nhưng chưa làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Nay có một phần đất giữa ông S với ông M đang tranh chấp, thì ông P sẽ tự thỏa thuận với ông S, không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Người làm chứng bà Nguyễn Ngọc S, bà Phạm Thị B, ông Lê Văn C và bà Lê Thị Mộng T theo biên bản xác minh ngày 05/10/2018 đều thống nhất trình bày: Phần

đất tranh chấp giữa ông S và ông M không biết ai đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thấy ông S canh tác từ sau năm 1975 đến khi tranh chấp với ông M khoảng 01 năm nay, trên đất tranh chấp trước đây ông S có trồng nhiều loại cây như cam, tre, mít, chuối và đã từng mua mít, tre và xin lá chuối của ông S trồng trên phần đất hiện đang tranh chấp.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2018/DS - ST ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang đã tuyên xử như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn S, bà Trần Thị T, anh Võ Hoàng G, chị Võ Ngọc L và chị Huỳnh Thị N đối với ông Võ Văn M về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

Công nhận phần đất có diện tích 65,1 m² ký hiệu chữ (A) và toàn bộ cây trồng trên đất, theo mảnh trích đo địa chính số 19 - 2018, ngày 25/5/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Hậu Giang là của ông Võ Văn S, bà Trần Thị T, anh Võ Hoàng G, chị Võ Ngọc L và chị Huỳnh Thị N.

Buộc ông Võ Văn M chấp dứt hành vi ngăn cản ông Võ Văn S, bà Trần Thị T, anh Võ Hoàng G, chị Võ Ngọc L và chị Huỳnh Thị N canh tác sử dụng phần đất có diện tích 65,1 m² ký hiệu chữ (A) (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ông Võ Văn S, bà Trần Thị T, anh Võ Hoàng G, chị Võ Ngọc L và chị Huỳnh Thị N có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, để đăng ký làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 12/10/2018 bị đơn ông Võ Văn M làm đơn kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2018/DS - ST ngày 10 tháng 10 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Nội dung kháng cáo: Yêu cầu ông Võ Văn S trả lại phần đất cho ông Võ Văn M.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Võ Văn M cho rằng con mương dẫn nước kéo dài từ thửa 271 qua thửa 272 và thửa 273 của ông Võ Văn S, thuộc quyền sử dụng của ông Võ Văn M. Phần đất các bên tranh chấp nằm trong thửa 272 đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Võ Văn M vào năm 1998. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Võ Văn M, công nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 65,1m² thuộc quyền sử dụng của ông Võ Văn M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý đến phiên tòa xét xử, Tòa án cấp phúc thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến phiên tòa phúc thẩm người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Võ Văn M. Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét, các nguyên đơn ông Võ Văn S, bà Trần Thị T, anh Võ Hoàng G, chị Huỳnh Thị N, chị Võ Ngọc L khởi kiện ông Võ Văn M để đòi lại quyền sử dụng đất tại ấp T, xã Đ, C, tỉnh Hậu Giang nên Tòa án nhân dân C xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là có căn cứ, đúng thẩm quyền.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm bị đơn ông Võ Văn M có đơn kháng cáo hợp lệ, còn trong thời hạn luật định nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận đơn kháng để xem xét. Tại phiên tòa, ông Võ Văn M giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

[3] Xét kháng cáo, bị đơn Võ Văn M yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông Võ Văn S trả lại cho ông phần đất có diện tích 65,1 m² (qua đo đạc thực tế).

[3.1] Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha nguyên đơn ông Võ Văn S và bị đơn Võ Văn M. Ông Võ Văn S và ông Võ Văn M đều trình bày thống nhất, năm 1978 cha của các ông đã cho ông S sử dụng phần đất tranh chấp này làm lối đi qua thửa 273 của

ông S. Như vậy, tại thời điểm 1978 phần đất tranh chấp này chưa thuộc quyền sử dụng của ông Võ Văn M. Ông Võ Văn S sử dụng đất liên tục công khai, ngay tình từ năm 1978 cho đến khi phát sinh tranh chấp năm 2017 là 39 năm. Ông M thừa nhận cha ông có cho ông S sử dụng phần đất đang tranh chấp làm lối đi, ông M thừa kế toàn bộ phần đất của cha các ông, ông M vẫn mặc nhiên thừa nhận để ông S tiếp tục sử dụng phần đất này, không tranh chấp.

[3.2] Phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế $65,1\text{m}^2$ nằm trong thửa 272; tờ bản đồ số 04, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000231, ngày 14 tháng 4 năm 1998 cho ông Võ Văn M. Qua đo đạc thực tế diện tích đất tại thửa 272 của ông M là $3.651,7\text{m}^2 + 65,1\text{m}^2 = 3.716,8\text{m}^2$. Diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 272 là 3.618m^2 , như vậy tổng diện tích (bao gồm cả phần tranh chấp) qua đo đạc thực tế so với diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thửa 272 dư $98,8\text{m}^2$.

Qua thực tế sử dụng phần đất đang có tranh chấp từ năm 1978, ông Võ Văn S có trồng các loại cây lâu năm như cây cam, mít, tre ... và ông là người trực tiếp hưởng huê lợi trên đất (Biên bản xác minh ngày 05/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện C tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Hậu Giang). Đến năm 2016, ông Võ Văn S thuê xe cuốc lên bờ trồng chanh và trồng chuối, ông Võ Văn M biết nhưng không ngăn cản. Ông Võ Văn S đã sử dụng phần đất đang có tranh chấp ổn định trên 30 năm, công khai và ngay tình, đủ điều kiện để công nhận quyền sử dụng đất cho ông Võ Văn S theo quy định tại Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015.

Mặt khác, việc ông Võ Văn S tuy không có các giấy tờ về quyền sử dụng đất được quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013, nhưng ông S đã sử dụng đất ổn định từ trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 và không vi phạm pháp luật về đất đai. Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 101 Luật đất đai năm 2013, công nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất tranh chấp có diện tích $65,1\text{m}^2$ cho ông Võ Văn S.

[4] Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Võ Văn M. Công nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất đang có tranh chấp có diện tích $65,1\text{m}^2$ tại thửa 727 thuộc quyền sử dụng đất của hộ ông Võ Văn S.

[5] Nhận thấy, lập luận của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Võ Văn M không có cơ sở và không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên không được chấp nhận.

[6] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm và chi phí thẩm định, đo đạc và định giá tài sản: Ông Võ Văn M phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 236 Bộ luật dân sự năm 2015;

Các Điều 5, 26, 100, 101, 166 của Luật đất đai năm 2013.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Võ Văn M.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của hộ ông Võ Văn S, bà Trần Thị T, anh Võ Hoàng G, chị Võ Thị Ngọc Lý và chị Huỳnh Thị N (do ông S làm đại diện) đối với ông Võ Văn M, yêu cầu ổn định phần đất tranh chấp có diện tích đo đạc thực tế là 65,1m² tại thửa số 272, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000231, ngày 14/4/1998 cấp cho hộ ông Võ Văn M.

2. Công nhận diện tích 65,1m² ký hiệu chữ (A) và toàn bộ cây trồng gồm 03 cây chuối loại B, 05 cây chuối loại C, 04 cây chanh không hạt (theo mảnh trích đo địa chính số 19 – 2018, ngày 25/5/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Châu Thanh, tỉnh Hậu Giang) thuộc quyền sử dụng đất của hộ ông Võ Văn S, bà Trần

Thị T, anh Võ Hoàng G, chị Võ Thị Ngọc Lý và chị Huỳnh Thị N (do ông S làm đại diện) (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Buộc ông Võ Văn M chấm dứt hành vi ngăn cản hộ ông Võ Văn S canh tác sử dụng phần đất có diện tích 65,1m² ký hiệu chữ (A) (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Hộ ông Võ Văn S, bà Trần Thị T, anh Võ Hoàng G, chị Võ Thị Ngọc Lý và chị Huỳnh Thị N có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đăng ký làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

3.1. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Võ Văn M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Hoàn trả lại cho hộ ông Võ Văn S, bà Trần Thị T, anh Võ Hoàng G, chị Võ Thị Ngọc Lý và chị Huỳnh Thị N số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014011, ngày 14/12/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang.

3.2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Võ Văn M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) ông Võ Văn M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017839, ngày 12 tháng 10 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

4. Chi phí thẩm định, định giá tài sản: Buộc ông Võ Văn M phải nộp 2.972.988 đồng (hai triệu chín trăm bảy mươi hai triệu chín trăm tám mươi tám đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hậu Giang để hoàn trả lại cho ông Võ Văn S.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực từ ngày tuyên án ngày 17/5/2019.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Phụng